

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 13 - 01 - 2020

V/v: “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình - Ly hôn, nuôi con chung khi
ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Hoàng Nam

2. Ông Võ Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Đình Nguyên là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 379/2019/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T, sinh năm: 1991 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hai T1, xã Ngọc H1, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Hòa M1, xã Hòa Y, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/6/2019; Đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 03/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị Hồng T là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Y, huyện G, tỉnh Kiên Giang. Chung sống hạnh phúc đến tháng 02 năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có thu nhập ổn định, mẹ chồng có hứa cho 04 công đất ruộng để canh tác nhưng đến nay vẫn chưa cho, anh H nghe lời gia đình không có chính kiến của bản thân. Tháng 4/2019, chị và anh H đã sống ly thân với nhau cho đến nay.

Quá trình chung sống chị và anh H có một người con chung là cháu Nguyễn An P, sinh ngày 24/9/2018, do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Chị cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh H; Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con hàng tháng theo quy định pháp luật, chị không đồng ý giao cháu P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị Nguyễn Thị Hồng T về thời điểm kết hôn, có đăng ký kết hôn, thời gian xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian sống ly thân và về con chung là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với cha mẹ hai bên, mẹ ruột của anh có hứa cho vợ chồng 04 công đất ruộng để canh tác là đúng nhưng hiện tại mẹ anh đã lớn tuổi, hoàn cảnh khó khăn nên chưa cho.

Đối với yêu cầu của chị T, anh có ý kiến như sau:

Hiện tại anh còn thương vợ, thương con mong muốn được hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu chị T cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh cũng thống nhất. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, anh đồng ý để chị T nuôi dưỡng con chung, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con, do chị T làm đơn yêu cầu ly hôn chứ anh không tự nguyện ly hôn. Nếu chị T không đủ điều kiện nuôi con chung thì giao cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng, tiến hành thu thập chứng cứ và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị T và anh H kết hôn 2017, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Y, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 02/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống, chị T và anh H cho nhau thời gian để khắc phục sửa chữa khuyết điểm nhưng không mang lại hiệu quả tích cực, trái lại ngày càng trở nên trầm trọng hơn nên anh, chị đã chấm dứt quan hệ vợ chồng và sống ly thân với nhau từ tháng 4/2019 đến nay. Xét thấy, hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Cho nên, việc chị T yêu cầu được ly hôn với anh H là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T đối với anh H.

Về con chung: Chị T và anh H có một người con chung là cháu Nguyễn An P, sinh ngày 24/9/2018. Xét thấy, cháu P dưới 36 tháng tuổi, chị T đủ điều kiện nuôi con và đang chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định đảm bảo quyền lợi về mọi mặt, trong thời gian chị T nuôi dưỡng không gây khó khăn cho anh H trong việc thăm nom, chăm sóc con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu P cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và buộc anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Hồng T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn H. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn H là bị đơn cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/02/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Y, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh H thừa nhận nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng chủ yếu do vợ chồng không có nguồn thu nhập và nghề nghiệp ổn định, mẹ anh H có hứa cho 04 công đất ruộng nhưng chưa cho, nguồn thu nhập chính của vợ chồng chủ yếu do đi làm thuê người khác không đủ chăm lo cho gia đình dẫn đến việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình. Cho nên, từ tháng 4 năm 2019 chị T và anh H không còn chung sống với nhau cho đến nay, trong thời gian sống ly thân mạnh ai nấy lo, không còn quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau và cũng không gặp nhau hoặc liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng, kể cả cha mẹ hai bên cũng không có tác động gì để chị T và anh H hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị T và anh H đều vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị T và anh H nhưng không đạt kết quả do chị T cương quyết ly hôn; anh H không muốn ly hôn nhưng không nêu được biện pháp hàn gắn cụ thể để thuyết phục chị T, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng thống nhất ly hôn. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng

của chị T và anh H đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H có một người con chung là cháu Nguyễn An P, sinh ngày 24/9/2018. Xét yêu cầu của chị T và ý kiến của anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu P dưới 36 tháng tuổi, chị T đủ điều kiện nuôi con và đang chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu Phú, trong thời gian chị T nuôi dưỡng không gây khó khăn cho anh H trong việc thăm nom, chăm sóc con chung. Vì vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu Phú cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Qua nghị án Hội đồng xét xử thống nhất buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng được tính từ ngày 13/01/2020 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng.

[4]. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp chặn cho chị Nguyễn Thị Hồng T được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn An P, sinh ngày 24/9/2018 cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 750.000 đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 13/01/2020 cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

Anh H được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006503 ngày 28/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Hoàn trả cho chị T tiền tạm ứng án phí còn thừa 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Anh H phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Hồng T và anh Nguyễn Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 13/01/2020.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh KG;
- VKS ND huyện GR;
- THA Huyện GR;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Danh Thanh Phát